Bản đặc tả Chương trình đề cập đến những thông tin về chiến lược dạy và học của Chương trình: triết lý giáo dục, phương pháp dạy và học phù hợp với Chương trình, gợi ý những phương pháp dạy và học phù hợp với một số môn học đặc trưng của Chương trình, đề cập những hoạt động kiểm tra đánh giá, phương pháp kiểm tra kết quả học tập mà người học sẽ phải trải qua. Trên cơ sở tổng hợp những thông tin này, người học có thể hình dung về những hoạt động học tập của mình trong 4 năm đào tạo, có những sự chuẩn bị cần thiết để học tập hiệu quả nhất.

Bản đặc tả Chương trình cũng cung cấp Bảng kiểm đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp. Tại các thời điểm khác nhau khi đang theo học Chương trình, sinh viên có thể sử dụng Bảng kiểm để tự đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng của mình, từ đó xây dựng kế hoạch cho giai đoạn còn lại để tại thời điểm tốt nghiệp có năng lực như kỳ vọng.

Các kết quả học tập và mục tiêu dự kiến của chương trình đào tạo được thể hiện trong bản đặc tả là:

- Nguồn thông tin giúp các sinh viên đang học cũng như các sinh viên tiềm năng hiểu về chương trình.
- Nguồn thông tin dành cho các nhà tuyển dụng, đặc biệt là các thông tin về kỹ năng và các năng lực trí tuệ có thể chuyển đổi được phát triển trong chương trình.
- Cơ sở để các nhóm giảng viên và các nhà quản lý xem xét, trao đổi và thẩm định chất lượng đối với những chương trình đang thực hiện và đảm bảo rằng mục tiêu của chương trình cũng như những kết quả học tập dự kiến đều được mọi người hiểu rõ; và được sử dụng như một điểm quy chiếu để thẩm định bên trong cũng như để giám sát những hoạt động của ngành đào tạo.

1. Thông tin về chương trình đào tạo

Tên ngành đào tạo:	
Tiếng Việt:	Kinh tế Phát triển
Tiếng Anh:	Development Economics
Mã số ngành đào tạo:	Ngành đào tạo thí điểm
Danh hiệu tốt nghiệp:	Cử nhân
Thời gian đào tạo:	4 năm

Tên văn bằng sau tốt nghiệp:

Tiếng Việt:	Cử nhân ngành Kinh tế Phát triển
Tiếng Anh:	The Degree of Bachelor in Development Economics

Đơn vị được giao nhiệm vụ đào tạo: Trường ĐHKT-ĐHQGHN

2. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo cử nhân trong lĩnh vực kinh tế phát triển theo định hướng chuyên gia và lãnh đạo; có khả năng phân tích, đánh giá, tổng hợp, nghiên cứu và giảng dạy các vấn đề về kinh tế phát triển mang tính liên ngành trong các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức phát triển, các doanh nghiệp, các cơ sở giáo dục đại học và các cơ sở nghiên cứu; có thể tiếp tục tự học, tham gia học tập ở bậc học cao hơn, tích lũy kinh nghiệm để trở thành các chuyên gia phân tích, nhà hoạch định chính sách, các nhà lãnh đạo trong lĩnh vực kinh tế phát triển.

3. Yêu cầu của chương trình đào tạo

Tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo: 135 tín chỉ

- **Khối kiến thức chung:** **27 tín chỉ**

  (Không tính các học phần GDTC, GDQP-AN và Kĩ năng bổ trợ)
- **Khối kiến thức chung theo lĩnh vực:** **10 tín chỉ**
- **Khối kiến thức theo khối ngành:** **16 tín chỉ**

  + Các học phần bắt buộc: *14 tín chỉ*

  + Các học phần tự chọn: *2/8 tín chỉ*
- **Khối kiến thức theo nhóm ngành:** **23 tín chỉ**

  + Các học phần bắt buộc: *17 tín chỉ*

  + Các học phần tự chọn: *6/12 tín chỉ*
- **Khối kiến thức ngành:** **59 tín chỉ**

  + Các học phần bắt buộc: *24 tín chỉ*

  + Các học phần tự chọn: *24 tín chỉ*

  Chuyên sâu: *12/36 tín chỉ*

  Bổ trợ: *12/18 tín chỉ*

  + Thực tập thực tế và niên luận: *5 tín chỉ*

+ Khóa luận tốt nghiệp/ các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp:

6 tín chỉ

4. Khung chương trình đào tạo

STT	Mã số	Học phần	Số giờ tín chỉ				Mã số học pần tiên quyết
			TC	*Lý thuyết*	*Thực hành*	*Tự học*	
I	**Khối kiến thức chung** (Không tính các học phần 9-11)		**27**				
	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1 The Fundamental Principles of Marxism-Leninism 1	2	24	6		
	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2 The Fundamental Principles of Marxism-Leninism 2	3	36	9		PHI1004
	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh Ho Chi Minh Ideology	2	20	10		PHI1005
	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam The Revolutionary Line of the Communist Party of Vietnam	3	42	3		POL1001
	INT1004	Tin học cơ sở 2 Introduction to Informatics 2	3	17	28		
	FLF2101	*Tiếng Anh cơ sở 1* General English 1	4	16	40	4	
	FLF2102	*Tiếng Anh cơ sở 2* General English 2	5	20	50	5	FLF2101
	FLF2103	*Tiếng Anh cơ sở 3* General English 3	5	20	50	5	FLF2102
		Giáo dục thể chất Physical Education	4				
		Giáo dục quốc phòng-an ninh National Defense Education	7				
	BSA 2030	Kỹ năng bổ trợ Soft skills	3				
II	**Khối kiến thức theo lĩnh vực**		**10**				
	MAT1092	Toán cao cấp Advanced Mathematics	4	42	18		
	MAT1101	Xác suất thống kê Probability and Statistics	3	27	18		MAT1092
	MAT1005	Toán kinh tế Mathematics for Economics	3	27	18		BSA1053
III	**Khối kiến thức theo khối ngành**		**16**				
III.1		**Các học phần bắt buộc**	**14**				
	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương Introduction to State and Law	2	23	5	2	
	INE1050	Kinh tế vi mô	3	35	10		

STT	Mã số	Học phần	Số giờ tín chỉ				Mã số học pần tiên quyết
			TC	*Lý thuyết*	*Thực hành*	*Tự học*	
		Microeconomics					
	INE1051	Kinh tế vĩ mô Macroeconomics	3	35	10		INE1050
	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế Principles of Economic Statistics	3	30	15		MAT1101
	INE1052	Kinh tế lượng Econometrics	3	30.5	14.5		INT1004 INE1051 BSA1053
III.2		**Các học phần tự chọn**	2/8				
	BSA1054	Kỹ năng làm việc theo nhóm Teamwork skills	2	20	10		
	HIS1055	Lịch sử văn minh thế giới World Civilization History	2	22	7	1	
	SOC1050	Xã hội học đại cương Introduction to Sociology	2	15	12	3	
	PHI1051	Logic học Logics	2	20	6	4	
IV		**Khối kiến thức theo nhóm ngành**	23				
IV.1		**Các học phần bắt buộc**	17				
	BSL2050	Luật kinh tế Business Law	2	15	13	2	THL1057
	INE1016	Phương pháp nghiên cứu kinh tế Economics Research Methodology	3	30	15		INE1051
	INE2001	Kinh tế vi mô chuyên sâu Advanced Microeconomics	3	35	10		INE1050
	INE2002	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu Advanced Macroeconomics	3	30	15		INE1051
	INE2003	Kinh tế phát triển Development Economics	3	29	16		INE1051
	PEC1050	Lịch sử các học thuyết kinh tế Histories of Economic Thought	3	35	10		INE1051
IV.2		**Các học phần tự chọn**	6/12				
	BSA2001	Nguyên lý kế toán Principles in Accounting	3	27	18		
	BSA2103	Nguyên lý quản trị kinh doanh Principles of Business Administration	3	27	18		
	BSA2002	Nguyên lý Marketing Principles of Marketing	3	21	23	1	
	BSA2004	Quản trị học Principles of Management	3	35	10		
V		**Khối kiến thức ngành**	59				
V.1		***Các học phần bắt buộc***	24				
34	INE2012	Kinh tế phát triển chuyên sâu Advanced Development Economics	3	35	10		INE2003
35	FIB2002	Kinh tế công cộng Public Economics	3	24	21		INE1051
36	INE2004	Kinh tế môi trường Environmental Economics	3	35	10		INE1051

STT	Mã số	Học phần	Số giờ tín chỉ				Mã số học pần tiên quyết
			TC	*Lý thuyết*	*Thực hành*	*Tự học*	
37	INE3001	Thương mại quốc tế International Trade	3	28	17		INE1051
38	INE2018	Phân tích chi phí và lợi ích Cost –Benefit Analysis	3	32	13		INE1051
39	INE2014	Kinh tế thể chế Institutional Economics	3	30	15		THL1057 INE1051
40	FDE3001	Tăng trưởng xanh Green Growth	3	30	15		INE1050
41	FDE3002	Phân tích năng suất hiệu quả Analysis of productivity and efficiency	3	30	15		INE1052
V.2		***Các học phần tự chọn***	24				
V.2.1		Các học phần chuyên sâu	12				
V.2.1.1	*Các học phần chuyên sâu về Chính sách công*		12				
42	INE3023	Chính sách công Public Policy	3	30	15		FIB2002
43	INE3034	Phân tích chi tiêu công Analysis of Public Expenditure	3	30	15		FIB2002
44	INE3035	Lựa chọn công cộng Public Choice	3	30	15		FIB2002
45	INE3039	Quản lý dự án phát triển Management of Development Projects	3	20	25		INE2003
V.2.1.2	*Các học phần chuyên sâu về Môi trường và phát triển bền vững*		12				
46	INE3040	Quản lý môi trường Environmental Management	3	30	15		INE2004
47	INE3041	Hạch toán môi trường Environmental Accounting	3	25	20		INE2004
48	INE3158	Phát triển bền vững Sustainable Development	3	30	15		INE2003
49	FDE3003	Nhập môn kinh tế học về Biến đổi khí hậu Introduction to the economics of climate change	3	30	15		INE2004
V.2.1.3	*Các học phần chuyên sâu về Kinh tế học*		12				
50	PEC3037	Phân tích chính sách kinh tế xã hội Analysis of Economic and Social Policy	3	30	15		INE1051
51	INE3064	Kinh tế lượng chuyên sâu Advanced Econometrics	3	30	15		INE1052
52	FDE3005	Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế The Theory of Economic Growth	3	30	15		INE2002
53	INE2013	Kinh tế nhân lực Labour Economics	3	30	15		INE2002
V.2.2		Các học phần bổ trợ	12/18				
54	PEC1061	Lịch sử kinh tế World Economic History	3	35	10		INE1051
55	PEC3026	Kinh tế học về chi phí giao dịch Economics of Transaction Costs	3	35	10		
56	PEC3034	Nông nghiệp, nông dân và nông thôn Agriculture, Farmers and Rural	3	35	10		

STT	Mã số	Học phần	Số giờ tín chỉ				Mã số học pần tiên quyết
			TC	*Lý thuyết*	*Thực hành*	*Tự học*	
57	PEC3033	Kinh tế học về những vấn đề xã hội Economics of Social Issues	3	35	10		
58	PEC3032	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế Globalization and Economic Development	3	35	10		
59	INE3003	Tài chính quốc tế International Finance	3	30	15		INE1051
V.3	***Thực tập thực tế và niên luận***		5				
60	INE4154	Thực tập thực tế Internship	2				INE2003 INE1016
61	INE4054	Niên luận Essay	3				
V.4	***Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế***		**6**				
62	INE4155	Khóa luận tốt nghiệp Thesis	6				
63	INE3065	Hoạch định chính sách phát triển Policymakers Development	3	30	15		INE2003
64	INE2016	Tài chính cho phát triển Finance for Development	3	32	13		INE2003
		Cộng	**135**				

Ghi chú: *Học phần ngoại ngữ thuộc khối kiến thức chung được tính vào tổng số tín chỉ của chương trình đào tạo, nhưng kết quả đánh giá các học phần này không tính vào điểm trung bình chung học kỳ, điểm trung bình chung các học phần và điểm trung bình chung tích lũy.*

5. Ma trận tích lũy kiến thức (bao gồm cả tích lũy kiến thức và kỹ năng) theo chuẩn đầu ra đã công bố (tích lũy kiến thức và kỹ năng theo thứ tự các môn học thuộc nhóm ngành/ngành) chương trình đào tạo chuẩn trình độ đại học, ngành Kinh tế phát triển

Nhóm học phần hình thành khối kiến thức	Chỉ dẫn tích lũy kiến thức
1. Nhà nước và pháp luật đại cương 2. Kinh tế vi mô 1 3. Kinh tế vĩ mô 1 4. Nguyên lý thống kê kinh tế 5. Kinh tế lượng 6. Toán cao cấp 7. Xác suất thống kê 8. Toán kinh tế	**Kiến thức cơ bản về toán, khoa học tự nhiên, khoa học xã hội liên quan đến ngành** – Cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng, về mặt phương pháp luận trong việc thực hành toán và khoa học tự nhiên, phân tích định lượng để người học có thể sử dụng vào giải quyết các vấn đề kinh tế trong các học phần liên quan và lập các báo cáo thống kê (ở mức độ đơn giản). – Cung cấp các lý thuyết lõi về kinh tế, các quy luật căn bản trong kinh tế; – Vận dụng các kiến thức toán cao cấp trong công việc thống kê, xử lý số liệu và các tính toán liên quan đến ngành đào tạo; Xây dựng và phân tích được các bài toán kinh tế đơn giản; **Hình thành kỹ năng** – Có thể dùng thành thạo Microsoft Office (Word, Excel, Power Point) và một số phần mềm thống kê trong phân tích kinh doanh nhưu SPSS, Eview, Stata…và các thiết bị văn phòng.
1. Luật kinh tế 2. Phương pháp nghiên cứu kinh tế 3. Kinh tế vi mô chuyên sâu 4. Kinh tế vĩ mô chuyên sâu 5. Kinh tế phát triển 6. Lịch sử các học thuyết kinh tế	**Kiến thức cơ bản của ngành**: Cung cấp cho người học các khối kiến thức cơ bản về kinh tế để học tốt các học phần chuyên ngành và chuyên sâu. – Nhận diện được từng loại hình doanh nghiệp, phân biệt chúng và đánh giá được ưu điểm, hạn chế của từng loại; Hiểu được những nội dung cơ bản của quyền tự do kinh doanh, phân tích được một số rào cản quyền tự do kinh doanh trong pháp luật hiện hành và thực tiễn áp dụng; – Hiểu rõ quy trình thiết kế một nghiên cứu và xây dựng báo cáo nghiên cứu. Nắm được các phương pháp thường được sử dụng trong nghiên cứu kinh tế. – Vận dụng được các nguyên lý cơ bản của kinh tế học để giải thích sự vận động của nền kinh tế ở tầm vi mô và vĩ mô, phân tích được hoạt động của khu vực công cộng, hệ thống ngân hàng; hiểu được phương thức sử dụng các công cụ

Nhóm học phần hình thành khối kiến thức	Chỉ dẫn tích lũy kiến thức
	điều tiết nền kinh tế, hướng giải quyết những vấn đề về môi trường và phát triển kinh tế; – Ứng dụng được kiến thức về kinh tế phát triển để mô tả, giải thích, đưa ra giải pháp cho các vấn đề nảy sinh trong quá trình phát triển kinh tế. **Hình thành kỹ năng:** – Thu thập, phân tích, xử lý thông tin trong lĩnh vực kinh tế phát triển; – Tổng hợp tài liệu, nghiên cứu thực nghiệm. – Có khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, giải quyết các vấn đề, khám phá và nghiên cứu kiến thức trong lĩnh vực kinh tế phát triển
1. Kinh tế phát triển chuyên sâu 2. Kinh tế công cộng 3. Kinh tế môi trường 4. Thương mại quốc tế 5. Phân tích chi phí và lợi ích 6. Kinh tế thể chế 7. Tăng trưởng xanh 8. Phân tích năng suất hiệu quả	**Kiến thức chuyên ngành:** Phân tích, đánh giá, tổng hợp các vấn đề nghiên cứu cụ thể: – Cung cấp cho người học giúp người học có cái nhìn khái quát, những vấn đề có tính quy luật của quá trình thay đổi cơ cấu kinh tế, phát triển công nghiệp, nông nghiệp và phát triển nông thôn, cũng như các chiến lược, chính sách nhằm thực hiện các mục tiêu đó; phân tích đặc điểm phát triển của khu vực và thế giới và tác động của bối cảnh này đối với Việt Nam, từ đó làm sáng tỏ định hướng chiến lược, chính sách phát triển của Việt nam. – Vận dụng được các kiến thức chuyên sâu về kinh tế công như: chi tiêu công, lựa chọn công cộng, thuế... để phân tích, đánh giá các vấn đề nảy sinh trong hoạch định và thực hiện chính sách công; – Vận dụng được kiến thức chuyên sâu về kinh tế môi trường như:

Nhóm học phần hình thành khối kiến thức	Chỉ dẫn tích lũy kiến thức
	quản lý môi trường, hạch toán môi trường, kinh tế chất thải... để phân tích, đánh giá tác động qua lại của môi trường đối với phát triển kinh tế. **Hình thành kỹ năng:** – So sánh, phân tích các chiến lược và chính sách phát triển của các quốc gia, bao gồm phát hiện, hình thành và tổng quát vấn đề, đánh giá, so sánh, phân tích định tính và định lượng. – Nghiên cứu và khám phá kiến thức và thực tiễn thông qua việc hình thành các giả thuyết, tìm kiếm và tổng hợp tài liệu từ các nguồn, thu thập, phân tích, xử lý thông tin; – Tư duy theo hệ thống, phát hiện vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề kinh tế, xã hội, xác định vấn đề ưu tiên, phân tích lựa chọn vấn đề và tìm ra cách giải quyết cân bằng giữa tăng trường kinh tế, công bằng xã hội, và bảo vệ môi trường. – Có kỹ năng lập luận nghề nghiệp, phát hiện và giải quyết các vấn đề liên quan đến kinh tế phát triển; – Vận dụng linh hoạt và phù hợp kiến thức và kỹ năng để thực hiện công việc, phân tích, xử lý các vấn đề thực tiễn liên quan đến kinh tế phát triển; – Viết báo cáo, các kỹ năng cơ bản để vận dụng vào từng lĩnh vực cụ thể của quá trình học và chuẩn bị cho nghề nghiệp trong tương lai. – Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có

Nhóm học phần hình thành khối kiến thức	Chỉ dẫn tích lũy kiến thức
	kế hoạch và khoa học; và một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo;
	Áp dụng kiến thức chuyên sâu của ngành vào thực tiễn: Vận dụng kiến thức vào thực tiễn, sáng tạo trong công việc
1. Chuyên sâu về Chính sách công Chính sách công Phân tích chi tiêu công Lựa chọn công cộng Quản lý dự án phát triển	– Hiểu được quy trình, nguyên tắc và công cụ thiết kế chính sách công; nắm vững quy trình phát hiện vấn đề, nghiên cứu và đề xuất giải pháp chính sách cho một số loại chính sách công cơ bản liên quan tới kinh tế và xã hội: quy trình, nguyên tắc và công cụ thiết kế chính sách công; quy trình phát hiện vấn đề, nghiên cứu và đề xuất giải pháp chính sách cho một số loại chính sách công cơ bản. Hiểu và phân tích được vai trò của chi tiêu công; quy mô chi tiêu công và các hệ quả của việc chi sai quy mô, sai chức năng, sai thứ tự ưu tiên, cũng như các vấn đề thể chế liên quan tới hoạt động chi tiêu công. Trên cơ sở đó bước đầu phân tích đánh giá những phân tích, đánh giá chính sách chi tiêu công; hành vi của các cá nhân, tổ chức liên quan tới việc ra quyết định lựa chọn công cộng, phân tích, đánh giá ảnh hưởng của các nhân tố thể chế liên quan tới hiệu quả của những lựa chọn công cộng trong bối cảnh chính trị-xã hội cụ thể.

Nhóm học phần hình thành khối kiến thức	Chỉ dẫn tích lũy kiến thức
	Hình thành kỹ năng: – Có năng lực nghiên cứu; – Năng lực phát hiện và quan tâm khám phá các vấn đề trong lĩnh vực chi tiêu công; – Năng lực tư duy và phương pháp tiếp cận hiện đại, đa ngành và liên ngành về chính sách công; năng lực lập luận và sáng tạo áp dụng kiến thức, thực tiễn trên thế giới vào việc phân tích, xử lý các vấn đề liên quan đến hoạt động hoạch định chính sách của khu vực công ở Việt Nam trong điều kiện đang chuyển sang nền kinh tế thị trường, hội nhập và mở cửa hiện nay. – Tư duy hệ thống và khái quát khi tiếp cận và phân tích các vấn đề thuộc lĩnh vực chi tiêu công. – Khả năng phát triển các mối liên kết trong nhóm và giữa các nhóm khác nhau. – Khả năng phân tích đánh giá tác động của những nhân tố thể chế liên quan trực tiếp đến chi tiêu công trong bối cảnh chuyển đổi sang nền kinh tế thị trường của Việt Nam hiện nay.

Nhóm học phần hình thành khối kiến thức		Chỉ dẫn tích lũy kiến thức
	2. Chuyên sâu về Môi trường và phát triển bền vững Quản lý môi trường Hạch toán môi trường Phát triển bền vững Nhập môn kinh tế học về Biến đổi khí hậu	– Nắm được các vấn đề lý luận cơ bản của quản lý môi trường gồm khái niệm, chủ thể, mục đích nguyên tắc của quản lý môi trường và quản lý môi trường là một quá trình tất yếu để đạt sự phát triển bền vững.phân tích và thảo luận được các vấn đề thực tiễn trong quản lý môi trường đang được thế giới quan tâm, bối cảnh và hiện trạng quản lý môi trường ở Việt Nam hiện nay. – Phân tích được các yếu tố lợi ích và chi phí môi trường trong giá thành sản phẩm của doanh nghiệp; thực hiện được các phương pháp hạch toán môi trường vi mô (hạch toán quản lý môi trường ở cấp độ doanh nghiệp); xác định, đánh giá định lượng các thông tin vật chất và tiền tệ liên quan đến các hoạt động môi trường ở cấp độ doanh nghiệp. – Cung cấp các kiến thức và nguyên lí cơ bản về các vấn đề liên quan tới phát triển bền vững: khái niệm, các chỉ số phát triển bền vững, các nguyên tắc phát triển bền vững; các giải pháp cần thực hiện nhằm đạt được mục tiêu phát triển bền vững ở quy mô toàn cầu cũng như ở Việt Nam. – Cung cấp các kiến thức về biến đổi khí hậu tác động tới tăng trưởng và phát triển; vấn đề kinh tế của việc bình ổn khí hậu; và nội dung kinh tế của các chính sách nhằm giảm thiểu hoặc thích nghi với biến đổi khí hậu.

Nhóm học phần hình thành khối kiến thức	Chỉ dẫn tích lũy kiến thức
	Hình thành kỹ năng – Kỹ năng cơ bản để xây dựng được các kế hoạch/ chương trình quản lý môi trường phù hợp để giải quyết những vấn đề mà thực tế quản lý yêu cầu. – Năng lực quản lý môi trường, giúp người học có thể tham gia một cách có hiệu quả trong công tác quản lý, nghiên cứu, tư vấn môi trường. – Phương pháp hạch toán môi trường ở cấp độ vi mô. – Vận dụng kiến thức về phát triển bền vững vào hoạch định các chính sách; kỹ năng cộng tác, làm việc nhóm; kỹ năng lập kế hoạch, tổ chức, quản lý, điều khiển, theo dõi kiểm tra hoạt động, làm việc nhóm, lập mục tiêu, phân tích chương trình. Nâng cao năng lực đánh giá và tự đánh giá – Kỹ năng giải quyết những vấn đề cụ thể liên quan khía cạnh kinh tế của biến đổi khí hậu, phân tích được những tổn thất do biến đổi khi hậu, phân tích được lợi ích – chi phí của việc ứng phó biến đổi khí hậu.

Nhóm học phần hình thành khối kiến thức		Chỉ dẫn tích lũy kiến thức
	3. Các học phần chuyên sâu về Kinh tế học Phân tích chính sách kinh tế xã hội Kinh tế lượng chuyên sâu Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế Kinh tế nhân lực	– Có các kiến thức cơ bản về chính sách KTXH và phân tích chính sách KTXH: nguồn gốc, bản chất, các nhân tố ảnh hưởng; những đòi hỏi với hoạt động phân tích chính sách và các nhà phân tích chính sách. Trên cơ sở đó, xác định các nguyên tắc, mục tiêu, yêu cầu, quy trình và các nội dung cần thực hiện của hoạt động phân tích chính sách trong toàn bộ quá trình chính sách: hoạch định, tổ chức thực hiện, đánh giá và điều chỉnh các chính sách kinh tế - xã hội. – Cung cấp các kiến thức về một số mô hình kinh tế lượng hiện đại: phân tích và đánh giá các kết quả nhận được cũng như thực hiện dự báo cho các chuỗi số kinh tế; – Sử dụng linh hoạt những công cụ cơ bản nhất của phần mềm Eviews (hoặc STATA) nhằm giải quyết các mô hình. – Trang bị các hiểu biết cần thiết về ý nghĩa, vai trò, nguồn gốc và các yếu tố ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế, những mô hình tăng trưởng kinh tế cơ bản thuộc trường phái tăng trưởng ngoại sinh và nội sinh, phương pháp phân tích tác động của các chính sách vĩ mô đối với những mục tiêu tăng trưởng kinh tế: – Hiểu và nắm vững những nguyên lý cơ bản của thị trường lao động, vai trò của những định chế, tác động

Nhóm học phần hình thành khối kiến thức	Chỉ dẫn tích lũy kiến thức
	qua lại giữa các thị trường lao động. Hướng phân tích các chính sách,chương trình của nhà nước về thị trường lao động và các quan hệ lao động gắn với quá trình phát triển nói chung và với điều kiện hoàn cảnh Việt nam nói riêng. *Hình thành kỹ năng:* – Kỹ năng phân tích, tổng hợp và đánh giá những chính sách kinh tế - xã hội ở nước ta hiện nay; có khả năng tham gia hoạch định và tổ chức các chính sách kinh tế - xã hội. – Vận dụng các mô hình Kinh tế lượng khác nhau trong phân tích kinh tế cũng như thực hiện dự báo cho các chuỗi số kinh tế. – Hình thành và rèn luyện các kỹ năng NCKH và khả năng tư duy hệ thống, phát triển khả năng tự lập, chủ động trong học tập và nghiên cứu. Có khả năng cập nhật kiến thức, từng bước hình thành năng lực sáng tạo trong công việc, phát triển nghề nghiệp trong tương lai. – Phân tích các tình huống thực tế dựa trên các nghiên cứu điển hình những mô hình, chính sách về lao động của các nước và Việt nam hiện nay.

Nhóm học phần hình thành khối kiến thức	Chỉ dẫn tích lũy kiến thức
	Hình thành kỹ năng: – Khả năng lập luận, tư duy hệ thống. – Viết được khóa luận mang tính thực tiễn; – Có kỹ năng giao tiếp tốt (kỹ năng thuyết trình và đàm phán trong kinh doanh; kỹ năng giao dịch qua điện thoại, e-mail), giao tiếp thành thạo bằng tiếng Anh với trình độ tương đương IELTS 4.0 trở lên; – Có khả năng làm việc độc lập; tự học hỏi và tìm tòi, làm việc có kế hoạch và khoa học; và một số kỹ năng quản lý và lãnh đạo;

6. Bảng kiểm đánh giá năng lực người học

- Bảng kiểm năng lực cần được đưa vào sử dụng để thực hiện đánh giá năng lực sinh viên tốt nghiệp.
- Bảng kiểm năng lực có thể được áp dụng tại các thời điểm khác nhau để đánh giá trong suốt quá trình theo học Chương trình.
- Sinh viên năm thứ 3 trở đi có thể sử dụng Bảng kiểm để tự đánh giá mức độ tích lũy kiến thức, kỹ năng của mình, từ đó xây dựng kế hoạch cho giai đoạn còn lại để tại thời điểm tốt nghiệp có năng lực như kỳ vọng.
- Các Khoa có thể sử dụng kết quả đánh giá từ bảng kiểm năng lực để rà soát và điều chỉnh CTĐT cho phù hợp với CĐR của chương trình và môn học đã tuyên bố và yêu cầu của người học, xã hội...

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ					
Tiếp nhận kiến thức					
1.	Khối kiến thức cơ sở ngành	1	2	3	4
2.	Khối kiến thức chuyên ngành	1	2	3	4
Hình thành các kỹ năng kỹ xảo					
	Khả năng lập luận tư duy và giải quyết vấn đề kinh tế/kinh doanh	1	2	3	4
3.	Phát hiện và hình thành vấn đề	1	2	3	4
4.	Tổng quát hóa vấn đề	1	2	3	4
5.	Kỹ năng đánh giá và phân tích định tính vấn đề	1	2	3	4
6.	Kỹ năng phân tích vấn đề khi thông tin không đầy đủ	1	2	3	4
7.	Kỹ năng giải quyết vấn đề	1	2	3	4
8.	Đưa ra giải pháp và kiến nghị	1	2	3	4
	Khả năng nghiên cứu và khám phá kiến thức	1	2	3	4
9.	Tìm kiếm và tổng hợp tài liệu	1	2	3	4
10.	Kỹ năng thu thập, phân tích và xử lý thông tin	1	2	3	4
	Tư duy theo hệ thống	1	2	3	4
11.	Tư duy chỉnh thể/logic	1	2	3	4
12.	Phát hiện các vấn đề và mối tương quan giữa các vấn đề	1	2	3	4
	Hình thành các phẩm chất cá nhân	1	2	3	4
13.	Tư duy sáng tạo	1	2	3	4
14.	Tư duy phản biện	1	2	3	4
15.	Hiểu và phân tích được kiến thức, kỹ năng, phẩm chất và thái độ của một cá	1	2	3	4

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ					
16.	Quản lý thời gian và nguồn lực	1	2	3	4
17.	Sự hiểu biết về các nền văn hóa khác nhau	1	2	3	4
18.	Tinh thần tự tôn (Self-esteem)	1	2	3	4
19.	Kỹ năng học và tự học	1	2	3	4
20.	Kỹ năng quản lý bản thân	1	2	3	4
21.	Kỹ năng sử dụng máy tính	1	2	3	4
22.	Đạo đức nghề nghiệp (trung thực, trách nhiệm và đáng tin cậy)	1	2	3	4
23.	Kỹ năng tổ chức và sắp xếp công việc	1	2	3	4
24.	Nhận thức và bắt kịp với nền kinh tế thế giới hiện đại	1	2	3	4
25.	Khả năng làm việc độc lập	1	2	3	4
26.	Tự tin trong môi trường làm việc quốc tế	1	2	3	4
27.	Hình thành nhóm làm việc hiệu quả	1	2	3	4
28.	Vận hành nhóm	1	2	3	4
29.	Phát triển nhóm	1	2	3	4
30.	Lãnh đạo nhóm	1	2	3	4
31.	Kỹ năng làm việc trong các nhóm khác nhau	1	2	3	4
32.	Chiến lược giao tiếp	1	2	3	4
33.	Cấu trúc giao tiếp (cách lập luận, sắp xếp ý tưởng..)	1	2	3	4
34.	Kỹ năng giao tiếp bằng văn bản	1	2	3	4
35.	Kỹ năng giao tiếp qua thư điện tử/các phương tiện truyền thông	1	2	3	4
36.	Kỹ năng thuyết trình	1	2	3	4
37.	Kỹ năng giao tiếp giữa các cá nhân	1	2	3	4
38.	Ngoại ngữ – kỹ năng nghe, nói	1	2	3	4
39.	Ngoại ngữ – kỹ năng đọc, viết	1	2	3	4
40.	*Các kỹ năng/phẩm chất khác (ghi cụ thể)*	1	2	3	4
41.	.....	1	2	3	4
42.	.....	1	2	3	4
43.	.....	1	2	3	4
Khả năng thích ứng trong các bối cảnh khác nhau					
44.	Bối cảnh toàn cầu	1	2	3	4
45.	Văn hóa doanh nghiệp	1	2	3	4
46.	Chiến lược, mục tiêu và kế hoạch của doanh nghiệp	1	2	3	4
47.	Mối quan hệ giữa doanh nghiệp & các vấn đề có liên quan đến môn học	1	2	3	4
48.	Thiết lập mục tiêu kinh tế - kinh doanh (dựa trên nhu cầu và bối cảnh xã hội)	1	2	3	4
49.	Các định nghĩa, khái niệm cơ bản làm nền tảng	1	2	3	4

CÁC TIÊU CHÍ ĐÁNH GIÁ					
50.	Mô hình hóa ý tưởng và đảm bảo đạt được các mục tiêu đề ra	1	2	3	4
51.	Quản lý dự án phát triển (rủi ro, tính khả thi, chi phí, nguồn lực…)	1	2	3	4
52.	Quá trình thiết kế dự án (các điều kiện thực hiện…)	1	2	3	4
53.	Cách tiếp cận của dự án (phương pháp tiếp cận, các bước...)	1	2	3	4
54.	Sử dụng kiến thức trong thiết kế dự án	1	2	3	4
55.	Thiết kế dự án chuyên ngành (các công cụ, phương pháp và quy trình thích hợp...)	1	2	3	4
56.	Lựa chọn nguồn lực thực hiện phương án/dự án	1	2	3	4
57.	Tổ chức thực hiện phương án/dự án	1	2	3	4
58.	Thiết kế các tiêu chuẩn đánh giá kết quả thực hiện	1	2	3	4
59.	Điều chỉnh/nâng cấp dự án/phương án	1	2	3	4
60.	Sáng tạo các dự án/phương án mới	1	2	3	4
61.	Khả năng khác (ghi cụ thể)	1	2	3	4
62.	.....	1	2	3	4

Ghi chú: (1) Nhớ lại/tái hiện lại kiến thức; (2) Hiểu và ứng dụng kiến thức; (3) Phân tích/đánh giá; (4)Khả năng sáng tạo

7. Kế hoạch đào tạo theo thời gian được thiết kế

- Chương trình được tổ chức thực hiện theo kế hoạch học tập của trường ĐHKT-ĐHQGHN.

- Mỗi năm học có hai học kỳ chính và một học kỳ phụ. Mỗi học kỳ chính có 15 tuần thực học và từ 3 đến 4 tuần thi. Mỗi học kỳ phụ có ít nhất 5 tuần thực học và 1 tuần thi, được tổ chức trong thời gian hè. Thời gian của khóa học đào tạo chính quy theo chương trình đào tạo chuẩn, chất lượng cao, tài năng và đạt chuẩn quốc tế tương ứng là 8 học kỳ chính đối với đào tạo cử nhân.

  Thời gian được phép tạm ngừng học để củng cố kiến thức, cải thiện kết quả học tập là 4 học kỳ chính;

- Sinh viên có thể xem thông tin về chương trình đào tạo, các quy chế, quy định liên quan đến đạo tạo qua trang web của trường theo địa chỉ http://www.ueb.edu.vn.

  Sinh viên khi nhập học được cung cấp email, tài khoản truy cập vào cổng thông tin ĐHQGHN để đăng ký học, tra cứu đề cương môn học, xem kết quả học tập và các thông báo của nhà trường….

  Sinh viên đăng ký môn học phải đáp ứng được điều kiện môn học tiên quyết và nộp học phí đầy đủ.

- Sinh viên đăng ký học các môn khoa học Mác Lê nin, học tại trung tâm đào tạo và bồi dưỡng giảng viên lý luận chính trị -ĐHQGHN, môn kỹ năng mềm tại trung tâm hợp tác và chuyển giao tri thức – ĐHQGHN.

- Sinh viên có thể học các học phần có trong CTĐT tại các đơn vị ĐHQGHN và chuyển kết quả học tập về trường. Căn cứ CTĐT của trường ĐHKT, việc công nhận học phần tương đương cho sinh viên đã được nhà trường thực hiện, giúp sinh chủ động trong học tập.

- Sinh viên có thể tham khảo cố vấn học tập để đăng kí môn học cũng như tư vấn phương pháp học tập, nghiên cứu khoa học…

– Sinh viên tra cứu học liệu tại Trung tâm thông tin thư viện – ĐHQGHN và bộ phận tư liệu của khoa QTKD và trường ĐHKT-ĐHQGHN

– Sinh viên được trường xét tốt nghiệp khi có đủ các điều kiện tốt nghiệp và có đơn gửi Phòng Đào tạo đề nghị được xét tốt nghiệp trong trường hợp đủ điều kiện tốt nghiệp sớm hoặc muộn so với thời gian thiết kế của khóa học. Hàng năm, nhà trường sẽ xét tốt nghiệp 4 đợt vào các tháng 3, 6, 9, 12

– Kế hoạch thực hiện đào tạo chi tiết

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học kỳ	Học kỳ								Mã số học phần tiên quyết
					1	2	3	4	5	6	7	8	
					16	*15*	*20*	*23*	*20*	*20*	*15*	*6*	
I	**Khối kiến thức chung** ***(Không tính các học phần từ 9-11)***		**27**										
1	PHI1004	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 1	2	**1**	2								
2	PHI1005	Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lê nin 2	3	**2**		3							PHI1004
3	POL1001	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	**3**			2						PHI1005
4	HIS1002	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	3	**4**				3					POL1001
5	INT1004	Tin học cơ sở	3	**1**	3								
6	FLF2101	Tiếng Anh cơ sở 1	4	**3**			4						
7	FLF2102	Tiếng Anh cơ sở 2	5	**4**				5					FLF2101
8	FLF2103	Tiếng Anh cơ sở 3	5	**5**					5				FLF2102
9		Giáo dục thể chất	4			1	1	1	1				
10		Giáo dục quốc phòng-an ninh	7	**2**		7							
11	BSA 2030	Kỹ năng bổ trợ	3	**6**						3			
II		**Khối kiến thức theo lĩnh vực**	**10**										
12	MAT1092	Toán cao cấp	4	**1**	4								
13	MAT1101	Xác suất thống kê	3	**2**		3							MAT1092
14	MAT1005	Toán kinh tế	3	**4**				3					BSA1053

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học kỳ	Học kỳ								Mã số học phần tiên quyết
					1	2	3	4	5	6	7	8	
					16	*15*	*20*	*23*	*20*	*20*	*15*	*6*	
III	**Khối kiến thức theo khối ngành**		**16**										
III.1		***Các môn bắt buộc***	***14***										
15	THL1057	Nhà nước và pháp luật đại cương	2	**1**	2								
16	INE1050	Kinh tế vi mô	3	**1**	3								
17	INE1051	Kinh tế vĩ mô	3	**2**		3							INE1050
18	BSA1053	Nguyên lý thống kê kinh tế	3	**3**			3						MAT1101
19	INE1052	Kinh tế lượng	3	**4**				3					INT1004 INE1051 BSA1053
III.2		***Các học phần tự chọn***	***2/8***	**1**	***2***								
20	BSA1022	Kỹ năng làm việc theo nhóm	2										
21	HIS1053	Lịch sử văn minh thế giới	2										
22	SOC1050	Xã hội học đại cương	2										
23	PHI1051	Logic học	2										
IV	**Khối kiến thức theo nhóm ngành**		**23**										
IV.1		***Các học phần bắt buộc***	***17***										
24	BSL1050	Luật kinh tế	2	**3**			2						THL1057
25	INE1016	Phương pháp nghiên cứu kinh tế	3	**3**			3						INE1051
26	INE2001	Kinh tế vi mô chuyên sâu	3	**2**		3							INE1050
27	INE2002	Kinh tế vĩ mô chuyên sâu	3	**3**			3						INE1051
28	INE2003	Kinh tế phát triển	3	**4**				3					INE1051
29	PEC1050	Lịch sử các học thuyết kinh tế	3	**3**				3					INE1051
IV.2		***Các học phần tự chọn***	***6/12***	***2***		***3***	***3***						
30	BSA2001	Nguyên lý kế toán	3										
31	BSA2103	Nguyên lý quản trị kinh doanh	3										

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học kỳ	Học kỳ								Mã số học phần tiên quyết
					1	2	3	4	5	6	7	8	
					16	*15*	*20*	*23*	*20*	*20*	*15*	*6*	
32	BSA2002	Nguyên lý Marketing	3										
33	BSA2004	Quản trị học	3										
V		**Khối kiến thức ngành**	**59**										
V.1		***Các học phần bắt buộc***	***24***										
34	INE2012	Kinh tế phát triển chuyên sâu	3	**5**					3				INE2003
35	FIB2002	Kinh tế công cộng	3	**5**					3				INE1051
36	INE2004	Kinh tế môi trường	3	**4**				3					INE1051
37	INE3001	Thương mại quốc tế	3	**5**					3				INE1051
38	INE2018	Phân tích chi phí và lợi ích	3	**5**					3				INE1051
39	INE2014	Kinh tế thể chế	3	**5**					3				THL1057 INE1051
40	FDE3001	Tăng trưởng xanh	3	**6**						3			INE1050
41	FDE3002	Phân tích năng suất hiệu quả	3	**6**						3			INE1052
V.2		***Các học phần tự chọn***	***24***										
V.2.1		***Các học phần chuyên sâu***	***12/36***										
V.2.1.1		*Các học phần chuyên sâu về Chính sách công*	*12*										
42	INE3023	Chính sách công	3	**6**						3			FIB2002
43	INE3034	Phân tích chi tiêu công	3	**6**						3			FIB2002
44	INE3035	Lựa chọn công cộng	3	**6**						3			FIB2002
45	INE3039	Quản lý dự án phát triển	3	**7**							3		INE2003
V.2.1.2		*Các học phần chuyên sâu về Môi trường và phát triển bền vững*	*12*										
46	INE3040	Quản lý môi trường	3	**6**						3			INE2004
47	INE3041	Hạch toán môi trường	3	**6**						3			INE2004
48	INE3158	Phát triển bền vững	3	7							3		INE2003

TT	Mã học phần	Học phần	Số TC	Học kỳ	Học kỳ								Mã số học phần tiên quyết
					1	2	3	4	5	6	7	8	
					16	*15*	*20*	*23*	*20*	*20*	*15*	*6*	
49	FDE3003	Nhập môn kinh tế học về biến đổi khí hậu	3	6						3			INE2004
V.2.1.3		*Các học phần chuyên sâu về Kinh tế học*	*18*										
50	PEC3037	Phân tích chính sách kinh tế xã hội	3										INE1051
51	INE3064	Kinh tế lượng chuyên sâu	3										INE1052
52	FDE3005	Các lý thuyết tăng trưởng kinh tế	3										INE2002
53	INE2013	Kinh tế nhân lực	3										INE2002
V.2.2	-	***Các học phần bổ trợ***	***12/18***	**7**							**12**		
54	PEC1061	Lịch sử kinh tế	3										INE1051
55	PEC3026	Kinh tế học về chi phí giao dịch	3										
56	PEC3034	Nông nghiệp, nông dân và nông thôn	3										
57	PEC3033	Kinh tế học về những vấn đề xã hội	3										
58	PEC3032	Toàn cầu hóa và phát triển kinh tế	3										
59	INE3003	Tài chính quốc tế	3										INE1051
V.3		***Thực tập thực tế và niên luận***	***5***										
60	INE4154	Thực tập thực tế	2	6						2			INE2003 INE1016
61	INE4054	Niên luận	3	6						3			
V.4		***Khóa luận tốt nghiệp/các học phần thay thế***	***6***										
62	INE4155	Khóa luận tốt nghiệp	6	8								6	
63	INE3065	Hoạch định chính sách phát triển	3										INE2003
64	INE2016	Tài chính cho phát triển	3										INE2003
		Cộng	**135**										

8. Phương pháp và hình thức đào tạo.

- Hình thức đào tạo: Đào tạo chính quy được tổ chức đào tạo tập trung liên tục trong toàn khóa học
- Phương pháp giảng dạy:
  + Giảng viên được khuyến khích sử dụng phương pháp giúp sinh viên học tập bằng hành động. Học tập bằng hành động là một quá trình học hỏi và suy nghĩ, cân nhắc liên tục, có sự hỗ trợ của bạn cùng học, nhằm mục đích tạo ra việc học tập có chất lượng ở sinh viên. Thông qua phương pháp này, các giảng viên có thể chia sẻ với nhau thông qua việc giải quyết các vấn đề thực tế và thông qua kinh nghiệm của bản thân. Việc xây dựng chương trình học tập bằng hành động là nhằm vào mục đích cải tiến việc học tập cũng như môi trường học tập của sinh viên.
  + Để thúc đẩy tinh thần trách nhiệm trong học tập, các giảng viên cần:
    - Tạo ra một môi trường giảng dạy-học tập sao cho mỗi người học đều tham gia vào quá trình học tập một cách có ý thức.
    - Cung cấp những chương trình đào tạo linh hoạt nhằm giúp người học chọn lựa nội dung học phần, thứ tự các học phần trong chương trình, phương pháp kiểm tra đánh giá, phương thức và thời gian học tập sao cho có ý nghĩa nhất đối với từng người.
  + Để kích thích sự say mê và các giá trị đối với việc học tập, đồng thời tạo cơ hội phát triển trí tuệ cho người học, các giảng viên cần tạo ra những cơ hội học tập và giao lưu trong đó người học có thể tham gia hết mình cả về trí tuệ lẫn tình cảm.
- Hướng dẫn thực hiện chiến lược dạy và học cho CTĐT chuẩn trình độ đại học ngành Kinh tế phát triển nhằm giúp người học đạt được các mục tiêu theo chuẩn đầu ra đã tuyên bố, nội dung của tài liệu được tóm tắt trong bảng dưới đây:

LỘ TRÌNH THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC DẠY VÀ HỌC

Năm học	*Chuẩn đầu ra*			*Gợi ý cách thức thực hiện*
	Kiến Thức	*Kỹ Năng*	*Phẩm chất*	
I	Các môn học thuộc khối kiến thức chung và tiếng Anh để đáp ứng yêu cầu học chuyên môn bằng trong các năm tiếp theo như PHI1004; PHI1005; POL1001; FLF2101; FLF2102; FLF2103	– Trang bị cho sinh viên khả năng lập luận, tư duy theo hệ thống, kĩ năng quản lí công việc và thời gian cá nhân hiệu quả. – Sinh viên có thể nhận thức được các chính sách, chủ trương của nhà nước liên quan đến kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục quốc phòng an ninh – Sinh viên có thể dùng thành thạo Microsoft Office, một số thiết bị văn phòng thông dụng, giao tiếp thành thạo bằng Tiếng Anh.	– Sinh viên được định hướng các phẩm chất nghề nghiệp như tôn trọng pháp luật, làm việc với tinh thần kỷ luật cao, trung thực, có lối sống tích cực, và có tinh thần hướng về cộng đồng	**Phương pháp giảng dạy:** – Thuyết trình – Thảo luận nhóm – Đặt-giải quyết vấn đề **Phương pháp học tập:** – Đọc trước học liệu, tóm tắt học liệu theo nội dung chính của bài giảng, sắp xếp lại theo trình tự; – Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau liên quan đến môn học theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. – Chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp – Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. **Điều kiện dạy và học:** – Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến

Năm học	*Chuẩn đầu ra*			*Gợi ý cách thức thực hiện*
	Kiến Thức	*Kỹ Năng*	*Phẩm chất*	
				thức vừa học – Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học
II	Các môn học thuộc khối kiến thức theo lĩnh vực và kiến thức theo khối ngành như MAT1092; MAT1101; MAT1005; THL1057; INE1050; INE1051; BSA1053; INE1052	– Trang bị cho sinh viên kỹ năng phân tích định tính, định lượng, xác định vấn đề ưu tiên; tư duy phân tích đa chiều. – Sinh viên được trang bị các kỹ năng phối hợp làm việc trong các nhóm khác nhau; kỹ năng thuyết trình; đề xuất ý tưởng; giao tiếp qua email và các phương tiện truyền thông.	– Đam mê nghiên cứu và khám phá kiến thức – Tự tin làm việc trong môi trường quốc tế. – Khả năng làm việc độc lập và chủ động trong công việc	**Phương pháp giảng dạy:** – Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kĩ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học; – Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. – Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai…. – Tham gia guest speaker **Phương pháp học tập:** – Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp – Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. – Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học.

Năm học	*Chuẩn đầu ra*			*Gợi ý cách thức thực hiện*
	Kiến Thức	*Kỹ Năng*	*Phẩm chất*	
				Điều kiện dạy và học: – Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học – Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học – Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên. – Sinh viên được tạo điều kiện tham gia các chương trình học trao đổi với các trường có hợp tác NCKH và giảng dạy với các điều kiện: tiếng Anh C1, có điểm trung bình từ 3 trở lên và đáp yêu cầu của trường đối tác, tích cực tham gia các hoạt động ngoại khóa. Điều kiện xét cho sinh viên toàn trường từ năm 2 trở đi.
III-IV	Các môn học thuộc khối kiến thức theo nhóm ngành và ngành như: BSL1050; INE1016; INE2001; INE2002; INE2003; PEC1050 INE2012; FIB2002; INE2004; INE3001; INE2018; INE2014;	– Nghiên cứu, đánh giá, xử lý những vấn đề phát triển có tính liên ngành liên quan đến kinh tế phát triển (điều tra, thu thập và xử lý thông tin, phân tích, nghiên cứu định tính và định lượng, thực hiện và ứng dụng các mô hình kinh tế lượng để nghiên cứu về kinh tế phát	– Khả năng làm việc dưới áp lực cao và môi trường biến động; – Sẵn sàng đương đầu với khó khăn và chấp nhận hoàn cảnh, kiên	**Phương pháp giảng dạy:** – Nêu rõ mục tiêu kiến thức, kĩ năng sinh viên sẽ đạt được thông qua môn học; – Cách tư duy, tổng hợp và phân tích vấn đề, đề xuất ý tưởng qua các câu vấn đáp khi giảng hoặc các bài tập trắc nghiệm liên quan. – Thuyết trình, Thảo luận nhóm, Đóng vai…

Năm học	*Chuẩn đầu ra*			*Gợi ý cách thức thực hiện*
	Kiến Thức	*Kỹ Năng*	*Phẩm chất*	
	FDE3001; FDE3002 Và các môn chuyên sâu INE3023; INE3034; INE3035; INE3039 INE3040; INE3041; INE3158; FDE3003 PEC3037; INE3064 FDE3005; INE2013 PEC1061; PEC3026 PEC3034; PEC3033 PEC3032; INE3003	triển); – Có kỹ năng lập bảng hỏi, khảo sát, phỏng vấn, thống kê; – Tư duy logic, có hệ thống khi tiếp cận và xử lý các vấn đề phát triển; – Có năng lực dẫn dắt chuyên môn để xử lý những vấn đề quy mô địa phương và vùng miền; – Hiểu biết xã hội, thích ứng nhanh với sự thay đổi của quá trình phát triển kinh tế xã hội; chủ động tiếp cận các thông tin kinh tế xã hội, các vấn đề liên ngành, các chương trình, chính sách phát triển; – Nắm vững chiến lược, kế hoạch, mục tiêu và văn hóa của tổ chức để làm việc thành công. Thích ứng nhanh với sự thay đổi của tổ chức trong sự vận động của nền kinh tế phát triển hiện	trì, linh hoạt, tự tin, nhiệt tình, say mê, chính trực, sáng tạo, phản biện; có tinh thần học tập suốt đời. – Say mê nghiên cứu và khám phá kiến thức, khám phá thực tiễn; trung thực, khách quan, khoa học trong nghiên cứu, đánh giá, xử lý các vấn đề phát triển; chuyên nghiệp và có trách nhiệm trong công việc.	– Nghiên cứu tình huống, bài tập lớn, tiểu luận, phương pháp học tập theo dự án… – Tham quan thực tế/thực tập tại doanh nghiệp **Phương pháp học tập:** – Đọc trước bài giảng, chuẩn bị trả lời các câu hỏi có trong học liệu khi giảng viên hỏi trên lớp – Chủ động nghe giảng, ghi có chọn lọc và tham gia đối thoại với giáo viên, tranh luận với bạn. – Chủ động tìm, đọc các nguồn tài liệu tham khảo khác nhau; quan sát, khảo sát thu thập thông tin liên quan đến doanh nghiệp đến thực tế/thực tập liên quan đến môn học/đề tài nghiên cứu theo sự hướng dẫn của giảng viên; bố trí kế hoạch tự học. **Điều kiện dạy và học:** – Cung cấp đầy đủ giáo trình, tài liệu bao gồm các bài tập và câu hỏi trắc nghiệm khách quan đưa vào giáo trình, người học có thể thường xuyên tự kiểm tra nhanh kiến thức vừa học – Cơ sở vật chất, thiết bị, phần mềm hỗ trợ việc dạy và học – Tổ chức các chuyến thực tế theo nhu cầu môn học, thực tập tại doanh nghiệp cho sinh viên.

Năm học	Chuẩn đầu ra			Gợi ý cách thức thực hiện
	Kiến Thức	Kỹ Năng	Phẩm chất	
		đại; – Tự nghiên cứu, tự học tập, phát triển các kỹ năng học cần thiết để có thể tiếp tục học cao lên với năng – Trang bị cho sinh viên các kỹ năng tổng hợp và viết báo cáo; kỹ năng lãnh đạo nhóm, làm việc nhóm,…		